

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH
THỰC HIỆN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Nguồn đề xuất nhiệm vụ (Tên tổ chức, cá nhân đề xuất)	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Loại hình nhiệm vụ
I	Lĩnh vực khoa học nông nghiệp						
1	Đề tài: Nghiên cứu phát triển thức ăn công nghiệp tối ưu cho ương ấu trùng cua biển, nuôi cua thương phẩm nhằm nâng cao tỷ lệ sống và hiệu quả sản xuất	- Tạo được thức ăn công nghiệp phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của ấu trùng cua biển trong giai đoạn ương, nuôi thương phẩm nhằm tăng tỷ lệ sống và giảm chi phí sản xuất. - Tăng tỷ lệ sống của ấu trùng ương, nuôi thương phẩm - Cải thiện tốc độ tăng trưởng, rút ngắn thời gian ương, nuôi so với sử dụng thức ăn cho cua - Tối ưu chi phí sản xuất. - Thử nghiệm và xây dựng được quy trình ương của giống, nuôi thương phẩm với thức ăn công nghiệp chuyên biệt cho ương nuôi ấu trùng và nuôi thương phẩm cua biển	- Xây dựng được công thức thức ăn công nghiệp tối ưu cho từng giai đoạn ấu trùng, nuôi thương phẩm cua biển, phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng thực tế. - Sản xuất thành công thức ăn viên bằng công nghệ hiện đại và sấy lạnh, đồng nhất kích thước, bổ sung các hoạt chất sinh học (lecithin, phospholipid, HUFA, probiotics). - Hoàn thiện quy trình ương của giống, nuôi thương phẩm sử dụng thức ăn công nghiệp, áp dụng cho các điều kiện môi trường khác nhau tại tỉnh Cà Mau - Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và môi trường của quy trình mới so với phương pháp truyền thống.	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Trung tâm Công nghệ sinh học thủy sản, Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II/ Nguyễn Đức Minh	3.000 (Ngân sách: 2.000; Đối ứng: 1.000)	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

			- Quy trình sản xuất thức ăn và ương, nuôi được kiểm nghiệm thực tế tại tối thiểu 2-3 trại giống quy mô lớn.				
2	Đề tài: Nghiên cứu phân lập và tuyển chọn vi sinh vật phân giải cellulose phục vụ phát triển chế phẩm sinh học xử lý lá cây rừng trong mô hình tôm – rừng tại tỉnh Cà Mau	- Nghiên cứu phân lập, tuyển chọn và định danh các chủng vi sinh vật (VSV) có khả năng phân giải cellulose từ môi trường rừng ngập mặn tại Cà Mau để phát triển chế phẩm sinh học (CPSH) xử lý lá cây rừng trong mô hình nuôi tôm – rừng, nhằm cải thiện môi trường đáy ao và nâng cao hiệu quả sản xuất. - Khảo sát và phân lập vi sinh vật phân giải cellulose từ đất, nước và lá mục tại rừng ngập mặn (RNM) Cà Mau. - Tuyển chọn được các chủng vi sinh vật có hoạt tính cellulase cao, thích nghi với điều kiện mặn lợ – yếm khí trong hệ thống tôm – rừng. - Xây dựng tổ hợp chủng ổn định, sản xuất CPSH quy mô phòng thí nghiệm, đánh giá khả năng bảo quản và hoạt tính enzyme. - Ứng dụng chế phẩm trong mô hình tôm – rừng, đánh giá hiệu	- Phân lập và tuyển chọn được ít nhất 30 chủng VSV từ đất, nước và lá rừng tại hệ sinh thái RNM Cà Mau có khả năng phân giải cellulose, với hoạt tính enzym cellulase đạt ≥ 8 IU/mL, hoạt động ổn định trong điều kiện pH 6,5–8 và nhiệt độ 28–35°C. - Tuyển chọn được ít nhất 01 tổ hợp chủng có tính ổn định cao, khả năng phối hợp hiệu quả và tương thích tốt với điều kiện yếm khí – mặn lợ đặc thù của ao nuôi tôm – rừng, phục vụ sản xuất CPSH. - 01 quy trình kỹ thuật sản xuất CPSH quy mô phòng thí nghiệm ở dạng bột/lông, mật độ $\geq 10^8$ CFU/g (hoặc mL), giữ $\geq 80\%$ hoạt tính enzyme sau 3 tháng, bảo quản tối thiểu 6 tháng, phù hợp điều kiện mặn lợ – yếm khí của ao nuôi tôm- rừng. Quy trình này có thể mở rộng sang sản xuất thử nghiệm. - 01 quy trình ứng dụng chế phẩm trong mô hình tôm – rừng, đánh giá được hiệu quả xử lý ô nhiễm nền đáy giảm COD, BOD, NH_4^+, H_2S $\geq 30\%$ và cải thiện năng suất tôm tăng $\geq 15\%$	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II/ Ths. La Thúy An	1.200	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

		quả xử lý lá rụng, cải thiện môi trường và tăng năng suất nuôi.	so với đối chứng.				
3	Đề tài: Bình tuyển cây trọt giống trầm và phát triển xây dựng rừng giống trầm tại khu vực rừng U Minh Hạ tỉnh Cà Mau theo công nghệ tiên tiến và tự động hóa	- Bình tuyển được cây trọt giống trầm đạt giá trị kinh tế tại Khu vực rừng U Minh Hạ và vùng lân cận có giá trị kinh tế vượt trội so với cây chung quanh từ 20%. - Xây dựng được vườn tập hợp nguồn giống kết hợp với khảo nghiệm giống và mô hình giống trọt trầm tại khu vực rừng U minh hạ. - Xây dựng được quy trình kỹ thuật nhân giống và gây trồng rừng trầm kinh tế.	- Bình tuyển được 50 cây trọt giống trầm; xây dựng 5 ha rừng giống; 5 ha vườn giống tại khu vực rừng U Minh Hạ tỉnh Cà Mau. - Tăng hiệu quả kinh tế $\geq 20\%$ hay giảm chi phí 20% cho người dân trong canh tác rừng Trầm khu vực rừng Trầm U Minh Hạ. - Bảo tồn được 1 vườn cây giống tại Exitu và Initu (5 ha). - 01 quy trình kỹ thuật nhân giống trọt trầm. - 01 quy trình kỹ thuật ứng dụng công nghệ tiên tiến và tự động hóa canh tác cây trầm khu vực rừng U Minh Hạ tỉnh Cà Mau.	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long/ Ts. Trần Thanh Thy	2.480 (Ngân sách: 2.350; Đối ứng: 130)	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ
4	Đề tài: Ứng dụng virus vector trong sản xuất RNA can thiệp ngăn ngừa virus gây bệnh đốm trắng (<i>White Spot Syndrome</i>)	- Sản xuất được vector virus tái tổ hợp mang gene mã hóa RNAi đặc hiệu với các gene VP28 hoặc VP26 của WSSV. - Đánh giá hiệu quả ức chế sự nhân lên của WSSV trên mô tôm sú bố mẹ. - Kiểm chứng khả năng giảm thiểu hoặc loại bỏ sự truyền độc của WSSV sang thế hệ ấu trùng.	- Sản xuất được vector virus tái tổ hợp biểu hiện RNAi đặc hiệu với WSSV. - RNAi được sản xuất ổn định với môi trường nuôi cấy. - Tỷ lệ nhân lên của WSSV trong tôm sú bố mẹ giảm $\geq 90\%$ so với đối chứng. - Tỷ lệ truyền độc WSSV sang thế hệ Postlarvae giảm $\geq 95\%$.	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau/ Dương Thanh Lực	3.000	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

	<i>Virus</i> , WSSV) từ tôm sú bố mẹ sang thế hệ tiếp theo	- Xây dựng quy trình công nghệ ứng dụng virus vector trong sản xuất RNAi có thể chuyển giao cho Trung tâm Ứng dụng KH&CN Cà Mau.					
5	Đề tài: Giải pháp khoa học – công nghệ phát triển nuôi trồng thủy sản vùng kinh tế biển tỉnh Cà Mau	- Nghiên cứu các đối tượng nuôi trồng phù hợp với vùng biển tỉnh Cà Mau. - Xây dựng các mô hình sản xuất thử nghiệm để đánh giá hiệu quả, triển khai nhân rộng để góp phần phát triển kinh tế biển. - Đề xuất các giải pháp khoa học – công nghệ vào nuôi trồng thủy sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững vùng kinh tế biển tỉnh Cà Mau	- Đề xuất các đối tượng nuôi trồng phù hợp với vùng biển tỉnh Cà Mau. - Ít nhất 1–2 mô hình nuôi thủy sản trên biển ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả cao hơn 20–30% so với truyền thống. - Bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng ứng dụng công nghệ phù hợp vùng ven biển. - Kiến nghị chính sách phát triển kinh tế biển hiện đại, bền vững.	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau	4.000	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ
6	Đề tài: Nghiên cứu đặc điểm phân loại, sinh học, sinh thái, giá trị sinh học và giải pháp bảo tồn, phát triển nguồn lợi sam biển	- Phân loại và đặc điểm sinh học – sinh thái: + Xác định thành phần loài, đặc điểm hình thái và phân bố của các loài sam biển tại vùng ven biển Việt Nam. + Mô tả đặc điểm sinh trưởng, sinh sản, tập tính sống và các yếu tố sinh thái ảnh hưởng đến vòng đời sam biển.	- Nghiên cứu về phân loại, sinh học và sinh thái sam biển. - Đánh giá chất lượng môi trường sống của sam biển tại các vùng sinh sản trọng điểm, thức ăn và kỹ thuật nuôi. - Nghiên cứu về ứng dụng và giá trị sinh học (bao gồm Phân tích đặc tính sinh hóa của máu sam (<i>Limulus/Tachypleus</i> Amebocyte	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau	5.000	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

	(<i>Tachypleus spp.</i>, <i>Carcinoscorpius spp.</i>) tại vùng ven biển tỉnh Cà Mau	- Đánh giá môi trường sống, thức ăn và kỹ thuật nuôi: + Đánh giá chất lượng môi trường tại các vùng sinh sản và phân bố trọng điểm của sam biển. + Xác định đặc điểm thức ăn tự nhiên và xây dựng thử nghiệm kỹ thuật nuôi, chăm sóc sam biển trong điều kiện nhân tạo. - Nghiên cứu giá trị và ứng dụng sinh học của máu sam: + Phân tích đặc tính sinh hóa của máu sam biển (<i>Limulus/Tachypleus Amebocyte Lysate</i> – TAL). + Đánh giá khả năng thu nhận, tinh chế và hoạt tính sinh học của Lysate sam biển Việt Nam, so sánh với sản phẩm thương mại quốc tế, định hướng ứng dụng trong phát hiện nội độc tố và dược phẩm sinh học. - Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển nguồn lợi: + Đánh giá hiện trạng và nguy cơ suy giảm nguồn lợi sam biển. + Đề xuất các giải pháp khoa học – quản lý – kỹ thuật nhằm	<i>Lysate</i> – TAL) như Đánh giá khả năng thu nhận và tinh chế Lysate từ sam biển Việt Nam, Khảo sát hoạt tính sinh học và so sánh với nguồn thương mại quốc tế), - Nghiên cứu giải pháp bảo tồn và phát triển và quản lý nguồn lợi. - Cơ sở dữ liệu về phân loại, phân bố, đặc điểm sinh học – sinh thái của sam biển Việt Nam. - Báo cáo đánh giá chất lượng môi trường và vùng sinh sản trọng điểm. - Quy trình thử nghiệm kỹ thuật nuôi và thu nhận Lysate từ sam biển. - Bộ mẫu và tài liệu khoa học phục vụ bảo tồn, quản lý và ứng dụng nguồn lợi sam biển. - Kiến nghị chính sách và mô hình quản lý – bảo tồn phù hợp điều kiện địa phương.				
--	--	---	---	--	--	--	--

		bảo tồn, phục hồi và phát triển bền vững quần thể sam biển tại Việt Nam.					
II	Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ						
7	Đề tài: Mở rộng cơ sở dữ liệu bản đồ số cảnh báo rủi ro thiên tai	Mở rộng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu bản đồ số cảnh báo rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau hợp nhất, đảm bảo đồng bộ, thống nhất và có khả năng ứng dụng hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai. - Thu thập, phân tích và số hóa dữ liệu rủi ro thiên tai tại khu vực tỉnh Bạc Liêu (cũ); - Tích hợp dữ liệu của Bạc Liêu (cũ) vào hệ thống dữ liệu đã có, tích hợp bản đồ số địa bàn Bạc Liêu (cũ) vào bản đồ Cà Mau (cũ) đã có, hiệu chỉnh, hoàn thiện thành bản đồ số cảnh báo rủi ro thiên tai tỉnh Cà Mau mới; - Phát triển ứng dụng điện thoại thông minh hoạt động trên cả hai nền tảng IOS và Android, hỗ trợ người dân tra cứu thông tin rủi ro theo vị trí;	- Thu thập, hiệu chỉnh, chuẩn hoá dữ liệu về rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (cũ), đảm bảo đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu đã có của tỉnh Cà Mau (cũ); Chỉ tiêu định lượng: Tối thiểu dữ liệu của 03 loại hình rủi ro thiên tai được thu thập (bao gồm: Bão, ATNĐ, sạt lở, ngập lụt); Dữ liệu thô thu thập được chuẩn hoá, đảm bảo phù hợp để tích hợp vào cơ sở dữ liệu sẵn có. - Xây dựng, hoàn thiện và tích hợp bản đồ số cảnh báo rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (cũ), đảm bảo đồng bộ với hệ thống bản đồ đã có của tỉnh Cà Mau (cũ), tạo thành bản đồ thống nhất cho toàn tỉnh Cà Mau sau sáp nhập; Chỉ tiêu định lượng: Tỷ lệ địa bàn được số hóa bản đồ rủi ro đạt 100% diện tích tỉnh Bạc Liêu (cũ). - Xây dựng, hoàn thiện bộ cơ sở dữ liệu rủi ro thiên tai địa bàn Bạc Liêu (cũ); Chỉ tiêu định lượng: Tối thiểu xây dựng được cơ sở dữ liệu cho 03 loại hình rủi ro thiên tai (bao gồm:	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Chi cục Thủy lợi tỉnh Cà Mau/ Nguyễn Thanh Tùng	1.884	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

		- Đề xuất giải pháp ứng dụng dữ liệu và phần mềm vào công tác quản lý rủi ro thiên tai trên toàn tỉnh.	Bão, ATNĐ, sạt lở, ngập lụt). Bộ cơ sở dữ liệu của Bạc Liêu (cũ) tương thích với bộ cơ sở dữ liệu đã có sẵn của Cà Mau (cũ). - Xây dựng và vận hành thử nghiệm phần mềm ứng dụng (app) cảnh báo rủi ro thiên tai trên điện thoại thông minh, hỗ trợ hệ điều hành IOS và Android, thân thiện với người dùng, dễ truy cập và tương thích với hệ thống bản đồ số và có tích hợp công nghệ AI phục vụ phân tích, cảnh báo rủi ro thiên tai; Chỉ tiêu định lượng: Ứng dụng hoạt động ổn định trên tối thiểu 90% thiết bị phổ biến chạy hệ điều hành IOS từ phiên bản 13 trở lên và Android từ phiên bản 9 trở lên; Cung cấp tính năng định vị vị trí người dùng, truy xuất dữ liệu rủi ro theo địa điểm, hiển thị thông báo cảnh báo kịp thời; tích hợp tính năng phản hồi từ người dùng, ghi nhận thông tin thực địa; thử nghiệm triển khai đến ít nhất 03 xã, phường. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu và kiến nghị chính sách, giải pháp ứng dụng cơ sở dữ liệu và phần mềm trong công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026–2030; Chỉ tiêu định lượng: Báo cáo phân tích chi tiết nguy cơ, mức độ rủi ro theo				
--	--	---	--	--	--	--	--

			từng vùng; Đề xuất tối thiểu 5 nhóm giải pháp ứng dụng kết quả vào công tác quản lý và điều hành của địa phương.				
8	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng đồng vị phóng xạ trong truy xuất nguồn gốc tôm tỉnh Cà Mau	- Ứng dụng đồng vị phóng xạ trong truy xuất nguồn gốc tôm tỉnh Cà Mau nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác và an toàn thông tin sản phẩm tôm Cà Mau. Qua đó, góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp, người sản xuất và người tiêu dùng, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm địa phương, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước. - Xác định chính xác đồng vị đối với tôm (sú, thẻ chân trắng) tỉnh Cà Mau thông qua kỹ thuật ứng dụng đồng vị phóng xạ, góp phần nâng cao vị thế, giá trị của sản phẩm tôm (sú, thẻ chân trắng) của tỉnh Cà Mau trên thị trường quốc tế.	- Khảo sát, thu thập dữ liệu, báo cáo phân tích các nội dung liên quan đến giống, hình thức nuôi, sản lượng,... đối với tôm (sú, thẻ chân trắng) của tỉnh Cà Mau. - Nghiên cứu, ứng dụng đồng vị phóng xạ xây dựng bộ cơ sở dữ liệu của các đồng vị đối với tôm (sú, thẻ chân trắng) của tỉnh Cà Mau. - Tổ chức 02 cuộc Hội thảo khoa học chuyên ngành để thảo luận, đánh giá, xác định đồng vị đối với tôm (sú, thẻ chân trắng) của tỉnh Cà Mau. - Tổ chức 04 lớp tập huấn để phổ biến, nâng cao nhận thức về ứng dụng đồng vị phóng xạ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND cấp xã/phường và các đơn vị liên quan.	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Cà Mau/ Lâm Văn Khanh	3.000	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ
III Lĩnh vực khoa học y, dược							
9	Đề tài: Đánh giá hiệu quả chế độ ăn	- Tìm hiểu thực trạng chế độ ăn theo thang điểm MEPA (Mediterranean Eating Pattern	- Báo cáo tổng quan khoa học về thực trạng chế độ ăn, các yếu tố thuộc Life's Essential 8 và mối liên quan	Tuyển chọn tổ chức,	Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau/	1.480	Đề tài nghiên cứu ứng

	kiểu Địa Trung Hải và các yếu tố thuộc Life's Essential 8 ở bệnh nhân đột quỵ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2026 – 2027	for Americans) và tình trạng sức khỏe tim mạch theo các yếu tố thuộc Life's Essential 8 của bệnh nhân đột quỵ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cà Mau (trong thời gian 12 tháng) - Mối liên quan giữa chế độ ăn (MEPA), các yếu tố thuộc Life's Essential 8 với một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhân khẩu học của bệnh nhân đột quỵ. - Khuyến nghị dinh dưỡng và hành vi sức khỏe cá nhân hóa dựa trên điểm số ban đầu của MEPA và Life's Essential 8 cho bệnh nhân đột quỵ. - Theo dõi và đánh giá sự thay đổi và hiệu quả bước đầu về điểm MEPA và Life's Essential 8 của bệnh nhân đột quỵ sau can thiệp (sau 12 tháng).	với tình trạng sức khỏe bệnh nhân đột quỵ tại tỉnh Cà Mau. - Cơ sở dữ liệu đầy đủ gồm hồ sơ của ≥ 150 bệnh nhân đột quỵ (trước và sau khuyến nghị), bao gồm: + Điểm số MEPA (trước – sau) + 8 yếu tố Life's Essential 8 (trước – sau) + Chỉ số lâm sàng/cận lâm sàng (BMI, huyết áp, glucose, lipid...) - Bộ tài liệu khuyến nghị cải thiện dinh dưỡng và hành vi sức khỏe cá nhân hóa (tờ rơi, bảng khuyến nghị, hướng dẫn đơn giản). - Báo cáo đánh giá hiệu quả khuyến nghị sau 12 tháng: tỷ lệ cải thiện điểm số MEPA, Life's Essential 8, hành vi sống lành mạnh. - Báo cáo đề xuất mô hình áp dụng tại bệnh viện trong quản lý, tư vấn dinh dưỡng và phòng ngừa tái đột quỵ.	cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Nguyễn Duy Thảo		dụng và phát triển công nghệ
10	Đề tài: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý các bệnh mạn	1. Xây dựng và thí điểm mô hình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, theo dõi và dự báo nguy cơ biến chứng bệnh mạn tính tại các trạm y tế xã thuộc 5 Trung tâm y tế khu vực, tỉnh Cà Mau.	- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu và 01 báo cáo tóm tắt. - 01 mô hình AI quản lý bệnh mạn tính (phần mềm hoặc module tích hợp thử nghiệm).	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện	Đại học Quốc gia Hà Nội	1.700	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển

	tính tỉnh Cà Mau	2. Đánh giá hiệu quả mô hình AI trong quản lý bệnh mạn tính (tăng huyết áp, đái tháo đường, Hen, COPD, tim mạch). 3. Đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình AI trong quản lý bệnh không lây nhiễm trên toàn tỉnh.	- 01 bộ tiêu chí kỹ thuật tích hợp AI với hồ sơ sức khỏe điện tử. - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học. - Tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình AI trong quản lý bệnh mạn tính. - Đào tạo 1 thạc sĩ	nhiệm vụ			công nghệ
11	Đề tài: Ứng dụng công nghệ nano và tối ưu hóa chiết xuất nhằm nâng cao hiệu quả dược lý của trái nhàu (<i>Morinda citrifolia</i> L.) ở tỉnh Cà Mau trong phát triển dược phẩm, thực phẩm hỗ trợ điều trị tiểu đường và bệnh xương khớp	- Xác định và tối ưu hóa quy trình chiết xuất các hoạt chất chính (scopoletin, flavonoid, anthraquinone) từ trái nhàu với hiệu suất cao. - Phát triển hạt nano thân thiện sinh học mang các hoạt chất từ trái nhàu nhằm tăng khả năng hấp thụ sinh học, khả năng nhả thuốc và hiệu quả dược lý. - Đánh giá tác dụng dược lý của các sản phẩm nano trên mô hình thực nghiệm bệnh tiểu đường và bệnh xương khớp: từ tế bào, mô hình chuột, cho đến giai đoạn I lâm sàng. - Đề xuất quy trình sản xuất thử nghiệm và phát triển sản phẩm dược phẩm/thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ trái nhàu, kết hợp chuyển giao công nghệ đối với	- 01 bài báo đăng tạp chí trong nước thuộc Danh mục HĐGSNN chấp nhận - 02 bài báo đăng tạp chí quốc tế nằm trong danh mục tạp chí ISI, Scopus, Q2/Q3. - Đăng ký ít nhất 01 patent - 01 loại viên nang nano nhàu hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường và xương khớp, - 01 loại thuốc bôi nano nhàu hỗ trợ bệnh viêm khớp. - Hồ sơ báo cáo khoa học kết quả đề tài - Hướng dẫn 02-03 luận văn cao học, khoá luận đại học.	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Viện Khoa học Công nghệ Ứng dụng, Trường Đại học Văn Lang/ PGs. Ts. Phan Phước Hiền	2.200	Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ

		doanh nghiệp sản xuất địa phương. - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở để công bố chất lượng dựa trên sự ký kết giữa dữ liệu tính toán và dữ liệu thực nghiệm nhằm đăng ký với Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế.					
12	Dự án SXTN: Chế phẩm bảo vệ gan và chống oxy hoá từ lá mầm đen (<i>Avicennia officinalis</i> L.) thu hái tại tỉnh Cà Mau	- Sản xuất thử nghiệm nâng cỡ lô pilot (300.000 viên) viên nang chứa cao chuẩn hoá lá mầm đen hỗ trợ bảo vệ gan và chống oxy hoá. - Sản xuất thử nghiệm cao khô chuẩn hoá lá mầm đen hỗ trợ bảo vệ gan và chống oxy hoá đảm bảo hàm lượng acid phenolic ổn định trong cao. - Xây dựng quy trình bào chế trà hoà tan chứa cao chuẩn hoá lá mầm hỗ trợ bảo vệ gan và chống oxy hoá. - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và công bố chất lượng với Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế của sản phẩm viên nang, hỗ trợ bảo vệ gan và chống oxy hóa.	- 01 bài báo đăng tạp chí trong nước thuộc Danh mục HĐGSNN chấp nhận - Sản xuất thành công viên nang chứa cao chuẩn hoá lá mầm hỗ trợ bảo vệ gan và chống oxy hoá và chuyển giao cho công ty sản xuất đăng ký sản phẩm bảo vệ sức khỏe. Dự kiến sản xuất thành công 3 lô sản xuất ổn định (300.000 viên). Đạt chứng nhận công bố chất lượng của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế. - Sản xuất thành công cao khô chuẩn hoá lá mầm đảm bảo hàm lượng acid phenolic ổn định trong cao và đăng ký sản phẩm, đóng gói dự kiến 5g/1 gói cao. Hộp 10 gói. Dự kiến sản xuất 100 hộp trà hoà tan. Đạt chứng nhận công bố chất lượng của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế. - Sản xuất thành công trà hoà tan chứa cao chuẩn hoá lá mầm hỗ trợ	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ/ PSs.Ts. Nguyễn Thị Ngọc Vân	2.000	Dự án SXTN

			bảo vệ gan và chống oxy hoá. Dự kiến sản xuất 10.000 gói trà hoà tan. Đạt chứng nhận công bố chất lượng thực phẩm. - Hướng dẫn 01 Sinh viên nghiên cứu khoa học và 01 cao học ứng dụng				
IV Lĩnh vực khoa học xã hội							
13	Đề tài: Nghiên cứu chiến lược nguồn nhân lực và kỹ năng cho chính quyền 2 cấp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026-2035	- Đánh giá thực trạng, dự báo nhu cầu lao động, kỹ năng cho các trụ cột phát triển của tỉnh (như thủy sản công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, năng lượng tái tạo và công nghiệp hỗ trợ, du lịch – văn hóa, chuyển đổi số – dữ liệu, ...). - Xây dựng khung kỹ năng phù hợp mô hình chính quyền 02 cấp phù hợp điều kiện thực tiễn tỉnh Cà Mau.	- Báo cáo chuyên đề: Đánh giá thực trạng nhu cầu lao động, kỹ năng cho các trụ cột phát triển tỉnh và dự báo cung – cầu lao động cho từng trụ cột; mô phỏng kịch bản tăng trưởng và tự động hóa. - Báo cáo chuyên đề: Thiết kế khung kỹ năng cho từng trụ cột; Xây dựng lộ trình đào tạo. - Đề xuất cơ chế học – làm – khởi nghiệp; chính sách thu hút chuyên gia; mạng lưới cố vấn địa phương – kiều bào. - Báo cáo kết quả thực hiện đề tài.	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện từ năm 2026 của tỉnh Cà Mau thuộc lĩnh vực khoa học xã hội	2.000	Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn
14	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp phát triển kinh tế cho cộng đồng ven biển tỉnh Cà Mau	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng dân cư ven biển tỉnh Cà Mau, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và giữ vững quốc phòng, an ninh vùng	- Xây dựng bản đồ sinh kế. - Báo cáo chuyên đề hiện trạng và đề xuất các giải pháp cụ thể về chính sách, quy hoạch, đầu tư, khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và quản lý môi trường để thúc đẩy phát triển kinh tế cho cộng đồng ven biển.	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ	Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện từ năm 2026 của tỉnh	2.000	Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn

		biển: - Đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội, tiềm năng và những thách thức đối với cộng đồng ven biển tỉnh Cà Mau. - Phân tích các mô hình phát triển kinh tế biển đã được áp dụng và hiệu quả tại các địa phương tương đồng hoặc trong tỉnh Cà Mau. - Xác định các ngành kinh tế có tiềm năng phát triển mạnh mẽ tại khu vực ven biển Cà Mau, bao gồm: + Nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản bền vững. + Phát triển du lịch biển, sinh thái và văn hóa. + Khai thác và phát triển các ngành nghề truyền thống gắn với biển. + Phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời). + Các dịch vụ hỗ trợ kinh tế biển (hậu cần, vận tải biển).	- Xây dựng các mô hình kinh tế phù hợp, có khả năng nhân rộng, mang lại hiệu quả kinh tế cao và đảm bảo tính bền vững cho cộng đồng dân cư ven biển. - Bộ số liệu phân tích rủi ro và Báo cáo chuyên đề phát triển kinh tế cho cộng đồng ven biển. - Báo cáo kết quả thực hiện đề tài.	vụ	Cà Mau thuộc lĩnh vực khoa học xã hội		
--	--	--	--	----	---------------------------------------	--	--